

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 09 - 11 -2021

hủy quyết định hành chính liên quan đến việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường.

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Minh Ngọc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định hành chính liên quan đến việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 8582/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Bùi Văn A, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Thôn Đông (xóm 9 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bùi Văn A: Ông Lê Văn C - Luật sư Văn phòng luật sư C1 thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: C2, thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

* *Bi đơn:*

1. Ông Đinh Văn A1, sinh năm 1972; có mặt.

2. Ông Đinh Văn A2, sinh năm 1976 (Đại diện thừa kế của ông Đinh Văn A5); có mặt.

3. Ông Đinh Văn A3, sinh năm 1968 (Đại diện thừa kế của bà Lê Thị A6); có mặt.

4. Bà Nguyễn Văn A4, sinh năm 1939.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A4: Ông Lê Văn A7, sinh năm 1976; có mặt.

5. Anh Phan Mạnh A8, sinh năm 1983 (Đại diện thừa kế của bà Dương Thị A9, ông Phan Văn A10); có mặt

6. Ông Đinh Văn A11, sinh năm 1965; có mặt.

7. Bà Đinh Thị A12, sinh năm 1954; có mặt.

8. Ông Nguyễn Văn A13, sinh năm 1952; có mặt.

Đều cùng địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam.

9. Bà Đinh Thị A14, sinh năm 1931; địa chỉ thường trú: Kim Năng 2, C3, tỉnh Gia Lai;

Người đại diện theo ủy quyền của bà A14: Chị Đinh Thị A15, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Mã Nảo, xã C4, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

10. Bà Đinh Thị A16, sinh năm 1964; địa chỉ: Kim Năng 2, C3, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A16: Chị Đinh Thị A15, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Mã Nảo, xã C4, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

11. Bà Đinh Thị A17, sinh năm 1956;

Người đại diện theo ủy quyền của bà A17: Anh Phan Văn A18, sinh năm 1979; có mặt.

12. Bà Đoàn Thị A19 (Đinh Thị A19), sinh năm 1966;

Người đại diện theo ủy quyền của bà A19: Anh Đinh Văn A2, sinh năm 1976; địa chỉ: Xã Yeng, huyện B10, tỉnh Gia Lai; có mặt.

13. Ông Đinh Văn A20, sinh năm 1968; trú tại: Kim Năng 2, C3, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền ông A20: Ông Đinh Văn A21, sinh năm 1957; trú tại: Thôn Khuyến Công (Xóm 1 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

14. Bà Lê Thị A22, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 3 Tầng 1 C5, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân A23, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 6 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

15. Ông Lê Văn A24, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn Hiệp Cường, C6, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đinh Văn A25, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 3 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

16. Ông Nguyễn Văn A26, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn Đoài (Xóm 15 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

17. Ông Đinh Văn A27 (Đinh Xuân A27), sinh năm 1964; địa chỉ: Kim Năng 2, C3, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông A27: Anh Đinh Văn A28, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện B1, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trần C7 - Chủ tịch UBND huyện B1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hùng C8 - Phó chủ tịch UBND huyện B1 (Quyết định ủy quyền số 5413/QĐ-UBND ngày 24/8/2020), có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. UBND xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đình B2 - Chủ tịch UBND xã B; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Chu Văn B3, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Vòng (xóm 8 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

4. Ông Bùi Văn B4, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đông (Xóm 9 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

4. Bà Dương Thị A9 (Đã chết).

Người đại diện thừa kế của bà Dương Thị A9: Anh Phan Mạnh A8, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

5. Bà Đinh Thị B5, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Xuân: Ông Đinh Văn A1, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

6. Anh Đinh Văn A2, sinh năm 1976; anh Đinh Văn B6, sinh năm 1971; cùng địa chỉ: Thôn Plei Kram, xã B11, huyện B10, tỉnh Gia Lai; anh Đinh Văn B7, sinh năm 1980 và chị Đinh Thị B8, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: Thôn Pleiten A, xã B9, huyện B10, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đinh Văn A2, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Plei Kram, xã B11, huyện B10, tỉnh Gia Lai; có mặt

7. Anh Đinh Văn A3, sinh năm 1968; Ông Đinh Công B12, sinh năm 1931; cùng địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; anh Đinh Văn B13, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn 3, C9, tỉnh Lâm Đồng; anh Đinh Văn B16, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn 6, C9, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn A3, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

8. Anh Lê Văn A7, sinh năm 1976; bà Lê Thị B17, sinh năm 1960; anh Lê Văn B18, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Văn A7, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

9. Anh Phan Mạnh A8, sinh năm 1983; anh Phan Văn B19, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; chị Phan Thị Hoa B20, sinh năm 1988; địa chỉ: Xã Thụy Lôi, huyện B1, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phan Mạnh A8, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

10. Anh Đinh Văn B21, sinh năm 1988; anh Đinh Văn B22, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn A11, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

11. Ông Đinh Trí B23, sinh năm 1946; anh Đinh Trí B24, sinh năm 1977; cùng địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị A12, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

12. Bà Phan Thị B25, sinh năm 1952; chị Nguyễn Thị B26, sinh năm 1982; anh Nguyễn Bình B27, sinh năm 1983; chị Nguyễn Thị B28, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn A13, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

13. Chị Đinh Thị A15, sinh năm 1977; địa chỉ: Xã Ngọc Sơn, huyện B1, tỉnh Hà Nam; anh Đinh Văn B29, sinh năm 1974; chị Đinh Thị B30; chị Phạm Thị B31, sinh năm 1988; cùng địa chỉ: Thôn Kim Năng 2, C3, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Đinh Thị A15, sinh năm 1977; địa chỉ: Ngọc Sơn, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

14. Anh Phan Văn A18, sinh năm 1979; anh Phan Văn B32, sinh năm 1983; anh Phan Văn B33, sinh năm 1986; cùng địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phan Văn A18, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

15. Anh Đinh Tiến B34, sinh năm 1988; địa chỉ: Phường Quang Trung, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đinh Văn A2, sinh năm 1976; địa chỉ: Xã Yeng, huyện B10, tỉnh Gia Lai; có mặt.

16. Bà Đinh Thị B35, sinh năm 1970; anh Nguyễn Minh B36, sinh năm 1990; cùng địa chỉ: Thôn Kim Năng 2, C3, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn A21, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 1 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

17. Chị Đinh Thị Hải B37, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 7, B38, tỉnh Hà Nam; chị Đinh Thị Hải B39, sinh năm 1976; anh Đinh Hải B40, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: Phòng 3, tầng 1, C5, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân A23, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 6 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

18. Bà Phạm Thị B41, sinh năm 1955; chị Lê Thị B42, sinh năm 1983; chị Lê Thị B43, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: Thôn Hiệp Cường, B44, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; anh Lê Văn B45, sinh năm 1980; địa chỉ: Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh; chị Lê Thị B46, sinh năm 1987; địa chỉ: Phường Bạch Đằng, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đinh Văn A25, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 3 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

19. Bà Quách Thị B47, sinh năm 1957; anh Nguyễn Văn B48, sinh năm 1983; anh Nguyễn Văn B49, sinh năm 1991; cùng địa chỉ: Thôn Đoài (Xóm 15 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; chị Nguyễn Thị B50, sinh năm 1976; địa chỉ: Thị trấn Ba Sao, huyện B1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn A26, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn Đoài (Xóm 15 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

20. Bà Đinh Thị B51, sinh năm 1966; anh Đinh Trọng B52, sinh năm 1990; cùng địa chỉ: Kim Năng 2, C3, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đinh Văn A28, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Khuyến Công (Xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

* *Người kháng cáo:* Ông Bùi Văn A, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai, ý kiến của các đương sự và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Năm 1996, thực hiện chủ trương làm kinh tế trang trại đa canh trên vùng đất trũng thuộc xứ đồng Đồng Sơn, xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam các thôn xóm vận động các hộ dân ký đơn trả ruộng hoặc cho UBND xã, các chủ trang trại mượn để UBND xã B ký Hợp đồng kinh tế thuê khoán với các cá nhân có nhu cầu làm kinh tế trang trại. Năm 1996, UBND xã B ký Hợp đồng kinh tế thuê khoán đất và giao đất cho hộ bà Dương Thị A9 (đã chết) để làm kinh tế trang trại. Ngày 16/12/1997, bà Dương Thị A9 chuyển nhượng cho ông Bùi Văn B4 7.488m² đất, trong đó có 630m² đất tiêu chuẩn của hộ bà Dương Thị A9. Sau đó, cùng năm ông B4 chuyển nhượng lại cho ông Bùi Văn A 3.744m² đất. Ngày 15/12/1997, ông A nhận chuyển nhượng 7.488m² đất từ ông Chu Văn B3. Việc chuyển nhượng đất giữa các bên được lập thành văn bản và được UBND xã B chứng thực.

Như vậy, tổng diện tích ông Bùi Văn A nhận chuyển nhượng để làm kinh tế trang trại là 11.323m² tại xứ đồng Đồng Sơn, xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 7, bản đồ năm 1990 (theo bản đồ lập năm 2001, thuộc thửa 122, tờ số 11) và ông A sử dụng từ năm 1997. Toàn bộ diện tích đất 11.323 m² ông A sử dụng làm kinh tế trang trại là đất nông nghiệp, trong đó có 10.152m² đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn của 17 hộ gia đình bị đơn, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994, gồm các hộ: Ông Đinh Văn A1 (Đinh Văn A29), ông Đinh Văn A2 (Đinh Văn A5 - đã chết), ông Đinh Văn A3 (Lê Thị A6, Đinh Công B12), bà Nguyễn Thị A4, anh Phan Mạnh A8 (Dương Thị A9), ông Đinh Văn A11, bà Đinh Thị A12, ông Nguyễn Văn A13, bà Đinh Thị A14, bà Đinh Thị A16, bà Đinh Thị A17, bà Đinh Thị A19 (Đinh Thị A19), ông Nguyễn Văn A30, bà Lê Thị A22, ông Lê Văn A24, ông Nguyễn Văn A26, ông Đinh Văn A27 (Đinh Xuân A27).

Thực hiện xây dựng khu trung tâm đón tiếp nghỉ dưỡng thuộc dự án Khu du lịch Tam Chúc tại xã B. Ngày 29/8/2017, UBND huyện B1 ban hành các Quyết định số: 5406, 5395, 5398, 5397, 5405, 5400, 5402, 5403, 5394, 5393, 5409, 5396, 5399, 5401, 5404, 5408, và 5407/QĐ-UBND thu hồi đất của các hộ gia đình trên; cùng ngày 29/8/2017, UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 5537/QĐ-UBND phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai và các chính sách hỗ trợ về đất cho 17 hộ gia đình. Theo đó, tổng diện tích đất của 17 hộ gia đình có tên nêu trên là 10.152m², với số tiền đền bù, bồi thường hỗ trợ là 1.675.080.000đ. Ông Bùi Văn A cho rằng: Năm 1997, các hộ gia đình có tên trên được giao đất nông nghiệp tại khu vực đồng Đồng Sơn, xã B, huyện B1; nhưng các hộ này đã tự nguyện trả lại đất cho UBND xã B, đồng thời cam kết sẽ không khiếu nại, đòi lại phần đất này. Việc trả lại đất thể hiện bằng đơn hoặc ký vào danh sách do xóm lập; toàn bộ diện tích đất của 17 hộ gia đình bị đơn, do ông nhận chuyển nhượng bằng văn bản từ bà A9, ông B4, ông B3 có chứng thực của UBND xã B và gia đình ông đã trực tiếp quản lý, sử dụng liên tục từ đó cho đến khi Nhà nước thu

hồi. Vì vậy, gia đình ông là chủ sử dụng và là người bị ảnh hưởng trực tiếp bởi quyết định thu hồi đất. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Công nhận quyền tài sản đối với quyền sử dụng 10.152m² đất cho ông Bùi Văn A.

- Công nhận ông Bùi Văn A là người được nhận bồi thường về quyền sử dụng đất, tài sản và các khoản hỗ trợ khi nhà nước thu hồi 10.152m² đất, với tổng số tiền là 1.675.080.000 đồng.

- Hủy các quyết định thu hồi đất, Phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện B1 đối với các bị đơn.

- Tuyên buộc UBND huyện B1 ban hành quyết định thu hồi đất và phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông A đối với diện tích đất bị thu hồi trong trang trại của ông A.

- Buộc UBND huyện B1 bồi thường hỗ trợ cho ông Bùi Văn A phần diện tích đất bị thu hồi không có tranh chấp 1.080m², tương ứng số tiền là 178.200.000đồng.

** Quan điểm của các bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn đều cho rằng:* Năm 1991, các hộ gia đình được giao đất nông nghiệp 115 tại xứ đồng Đồng Sơn và đã được cấp GCNQSD đất. Năm 1997, xã B có ra chủ trương làm kinh tế trang trại và vận động các hộ cho xã mượn đất để xã giao cho người có nhu cầu làm kinh tế trang trại. Giữa các hộ gia đình bị đơn và ông Bùi Văn A không có bất kỳ giao dịch, thỏa thuận gì và các hộ gia đình cũng chưa bị cơ quan có thẩm quyền nào thu hồi đất, thu hồi hủy bỏ GCNQSD đất đã cấp cho các gia đình; nên quyền sử dụng đất vẫn thuộc về các hộ gia đình. Do đó, nay Nhà nước thu hồi đất thì các hộ gia đình là người được nhận toàn bộ tiền bồi thường, hỗ trợ theo như Phương án mà UBND huyện B1 đã phê duyệt. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Bùi Văn A.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND huyện B1 có ý kiến:* Thực hiện chủ trương đầu tư dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam của Chính phủ; căn cứ hồ sơ địa chính UBND huyện B1 khẳng định quá trình chỉ đạo và ban hành các Quyết định số: 5406, 5395, 5398, 5397, 5405, 5400, 5402, 5403, 5394, 5393, 5409, 5396, 5399, 5401, 5404, 5408, và 5407/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 thu hồi đất tiêu chuẩn 115; 990 của các hộ dân nằm trong trang trại của Bùi Văn A Quyết định số 5537/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 (phương án lần 2) của UBND huyện B1 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai và chính sách hỗ trợ về đất của các hộ bị ảnh hưởng bởi hạng mục: San lấp khu trung tâm đón tiếp, nghỉ dưỡng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu du lịch Tam Chúc tại xã B là đúng quy định của pháp luật và thẩm quyền hành chính của UBND huyện B1. Bởi vì, căn cứ hồ sơ địa chính của xã B và các hồ sơ liên quan đang lưu trữ như: Hồ sơ địa chính năm 1994, năm 2001; sổ mục kê, sổ địa chính, sổ quản lý đơn đăng ký cấp giấy

chứng nhận năm 1994; giấy chứng nhận của các hộ đã cấp năm 1994, 2001; các hợp đồng thuê khoán và hợp đồng kinh tế của chủ trang trại; đề án chuyển dịch năm 2001; các giấy tờ khác có liên quan đến việc nhận chuyển quyền; Bản đồ địa chính năm 1994; 2002 và trích đo hiện trạng thửa đất thu hồi; danh sách các hộ trả ra do xóm kê khai. Việc xác định, phân loại đất được thực hiện theo phương pháp như sau:

Sử dụng hồ sơ địa chính năm 1994 và 2001. Những hộ có đất tiêu chuẩn theo QĐ 115, 990 trong trang trại không tham gia dồn đổi năm 2001 thì lấy diện tích tiêu chuẩn theo hồ sơ địa chính năm 1994 để xác định diện tích thu hồi.

Những hộ có đất tiêu chuẩn theo QĐ 115, 990 trong trang trại có tham gia dồn đổi năm 2001 thì lấy theo hồ sơ địa chính năm 2001 để xác định diện tích thu hồi.

Trong quá trình chuyển quyền (mua bán, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, trả ra cho UBND xã...) của các hộ có đất tiêu chuẩn 115, 990 không đảm bảo theo quy định của pháp luật do vậy việc phân loại đất và ban hành các Quyết định thu hồi đất được xác định đối với các hộ có đất tiêu chuẩn theo quyết định 115, 990 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo đề án đã được duyệt năm 2001, trang trại hộ ông Bùi Văn A có tổng diện tích là 11.232m² tại xứ đồng Đông Sơn (gồm đề án của ông Bùi Văn A là 7.488m² và nhận chuyển nhượng một phần đề án của ông Bùi Văn B4 là 3.744m²).

Trong đó : + Đất 115 là 10.830 m².

+ Đất khoán thuê 402 m².

* Theo hiện trạng sử dụng: Diện tích là 11.232 m² (Tại thửa số 6 tờ bản đồ số 13- Trích đo hiện trạng địa chính khu đất ảnh hưởng, tỷ lệ 1/2000 lập năm 2008).

Căn cứ các Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án của UBND huyện, của 17 hộ có đất tiêu chuẩn nằm trong trang trại ông Bùi Văn A với 10.152m² đất tranh chấp với các bị đơn và 1.080m² bị thu hồi không có tranh chấp, tổng số tiền kinh phí bồi thường hỗ trợ được phê duyệt là 1.675.080.000đ, do các bên chưa thống nhất đã khởi kiện ra tòa.

Tính đến thời điểm hiện nay, UBND huyện khẳng định chỉ chi trả cho các hộ chủ trang trại có đất tiêu chuẩn 115, 990 nằm trong trang trại của mình; các hộ đã làm thủ tục văn bản thỏa thuận theo quy định và đủ điều kiện nhận tiền; các hộ không có tranh chấp với nhau được UBND xã xác nhận. Không thực hiện chi trả cho các hộ đang tranh chấp và chưa đủ điều kiện nhận tiền theo quy định pháp luật.

Từ những nội dung đã thực hiện hồ sơ được lưu trữ tại UBND xã, hồ sơ GPMB lưu tại Hội đồng GPMB huyện khẳng định quá trình chỉ đạo và ban hành các Quyết định: gồm 17 quyết định thu hồi đất tiêu chuẩn 115; 990 của các hộ tư

nhân nằm trong trang trại ông Bùi Văn A, Quyết định số 5537/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 (phương án lần 2) của UBND huyện B1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai và các chính sách hỗ trợ về đất của các hộ bị ảnh hưởng bởi hạng mục: San lấp khu trung tâm đón tiếp, nghỉ dưỡng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật khu du lịch Tam Chúc tại xã B là đúng quy định của pháp luật và thẩm quyền hành chính của UBND huyện B1.

Việc ông Bùi Văn A đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam công nhận quyền về tài sản đối với quyền sử dụng 10.152m² đất tranh chấp với các bị đơn; công nhận ông được nhận bồi thường về quyền sử dụng đất và các khoản hỗ trợ khi nhà nước thu hồi 10.152m² đất; hủy các quyết định thu hồi đất của UBND huyện B1 mà đối tượng thu hồi đất không phải ông A và phương án chi tiết BT, HT của UBND huyện B1 nhưng không giải quyết quyền lợi cho ông; Buộc UBND huyện B1 ban hành quyết định thu hồi đất và phương án chi tiết Bồi thường, hỗ trợ cho ông đối với diện tích đất trong trang trại của ông; Buộc UBND huyện B1 bồi thường, hỗ trợ cho ông với phần đất bị thu hồi nhưng không có tranh chấp là 1.080m², với tổng số tiền là 178.200.000 đồng là không có cơ sở pháp lý. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Bùi Văn A.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã quyết định: Căn cứ Điều 26, 34, 37, 39, 147 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 129; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 66, 73, 74, 83, 84 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu “Buộc UBND huyện B1 bồi thường, hỗ trợ cho ông Bùi Văn A phần diện tích đất bị thu hồi không có tranh chấp là 1.080m², tương ứng với số tiền là 178.200.000 đồng” của ông Bùi Văn A.

2. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện sau đây của ông Bùi Văn A:

- Công nhận ông Bùi Văn A được quyền sử dụng đối với 10.152m² tranh chấp với 17 bị đơn: Ông Đinh Văn A1 (Đinh Văn A29), ông Đinh Văn A2 (Đinh Văn A5), ông Đinh Văn A3 (Lê Thị A6, Đinh Công B12), bà Nguyễn Thị A4, anh Phan Văn A8 (Dương Thị A9), ông Đinh Văn A11, bà Đinh Thị A12, ông Nguyễn Văn A13, bà Đinh Thị A14, bà Đinh Thị A16, bà Đinh Thị A17, bà Đinh Thị A19 (Đinh Thị A19), ông Nguyễn Văn A31, bà Lê Thị A22, ông Lê Văn A24, ông Nguyễn Văn A26 và ông Đinh Văn A27 (Đinh Xuân A27).

- Công nhận ông Bùi Văn A là người được nhận bồi thường quyền sử dụng đất, tài sản và các khoản hỗ trợ khi nhà nước thu hồi 10.152m², với tổng số tiền là 1.675.080.000đồng.

- Hủy các Quyết định thu hồi đất và Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện B1 đối với 17 hộ gia đình bị đơn (các Quyết định số: 5406, 5395, 5398, 5397, 5405, 5400, 5402, 5403, 5394, 5393, 5409, 5396, 5399, 5401, 5404, 5408 và 5407/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của UBND huyện B1 về thu hồi đất; Quyết định số 5537/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của UBND huyện B1 về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai và các chính sách hỗ trợ về đất).

- Buộc UBND huyện B1 ban hành Quyết định thu hồi đất và Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông Bùi Văn A đối với diện tích 10.152m² đất bị thu hồi trong trang trại của ông Bùi Văn A.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/9/2020 bị đơn là ông Bùi Văn A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các đương sự trình bày:

- Ông A trình bày: Ông không nhất trí với bản án sơ thẩm; bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam chưa xem xét đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện; áp dụng pháp luật không phù hợp dẫn đến làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông; gia đình ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ hộ gia đình bà A9, ông B4 và ông B3, không liên quan gì đến 17 hộ gia đình bị đơn; gia đình ông đã sử dụng đất liên tục từ năm 1997 đến khi bị thu hồi không có ai có tranh chấp gì, đến khi có quyết định thu hồi mới xảy ra tranh chấp, nên gia đình ông đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất. Vì vậy, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, chấp nhận đơn khởi kiện của ông.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp trong số 17 hộ gia đình thì có 14 hộ đã có đơn, hoặc ký vào danh sách trả đất cho UBND xã; đến thời điểm hết hạn giao đất thì 17 hộ gia đình này không đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng đất; tại văn bản của UBND huyện B1 có sự mâu thuẫn, thể hiện có 10.830m² đất là đất theo tiêu chuẩn 115 nhưng lại khẳng định UBND xã B có được quyền cho thuê đất. Thực chất là các hộ gia đình đã trả đất cho UBND xã chứ không phải cho mượn như các hộ trình bày; dự án của ông A có quyết định của UBND tỉnh phê duyệt nhưng vẫn không được cấp GCNQSD đất, trong khi ông A đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất theo quy định của Luật đất đai. Do đó, ông A đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất. Đối với khoản hỗ trợ khi thu hồi đất thì ông A là người được hỗ trợ vì ông đang là người trực tiếp sử dụng đất, điều này phù hợp với án lệ số 33, 35 của Hội đồng Thẩm phán

Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông Bùi Văn A.

- Đại diện cho phía bị đơn trình bày: Cơ bản giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định của pháp luật. Do đó kháng cáo của ông A không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, các hộ gia đình đang được quyền sử dụng đất hợp pháp vì đã được cấp GCNQSD đất và chưa bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào thu hồi; đất của các hộ là đất chia theo tiêu chuẩn 115 và 990, nên đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ thấy cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, khách quan các tình tiết liên quan đến vụ án, nên đã không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Từ phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Bùi Văn A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

** Về tố tụng:*

[1] Về xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm đã xác định nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm một số đương sự trong vụ án vắng mặt nhưng đã có người đại diện, hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt; một số đương sự trong vụ án từ chối tham gia tố tụng mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là ông A khởi kiện yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, được nhận tiền đền bù, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của UBND huyện B1, tỉnh Hà Nam đối với 17 hộ gia đình tại thôn Khuyến Công (xóm 5 cũ), xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; đồng thời yêu cầu buộc UBND huyện B1 ban hành quyết định thu hồi đất và phương án chi tiết bồi thường hỗ

trợ, tái định cư cho gia đình ông đối với diện tích bị thu hồi trong trang trại của gia đình ông, đây là tranh chấp dân sự và yêu cầu xem xét đến quyết định cá biệt của cơ quan Nhà nước cấp huyện trong việc quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 32 Luật tổ tụng hành chính và khoản 3, khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ngày 20/7/2019, ông Bùi Văn A có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với nội dung yêu cầu UBND huyện B1 bồi thường, hỗ trợ cho ông diện tích 1.080m² trong trang trại của ông, tương ứng với số tiền 178.200.000đ. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án đối với nội dung khởi kiện này là có căn cứ, đúng pháp luật; hơn nữa ông A không kháng cáo nội dung này nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

** Về nội dung:* Xét kháng cáo của ông Bùi Văn A thấy:

[4] Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như các đương sự trình bày có căn cứ khẳng định: Các hộ gia đình gồm: Ông Đinh Văn A1 (Đinh Văn A1), ông Đinh Văn A2 (Đinh Văn A5), ông Đinh Văn A3 (Lê Thị A6, Đinh Công B12), bà Nguyễn Thị A4, anh Phan Văn A8 (Dương Thị A9), ông Đinh Văn A11, bà Đinh Thị A12, ông Nguyễn Văn A13, bà Đinh Thị A14, bà Đinh Thị A16, bà Đinh Thị A17, bà Đinh Thị A19 (Đinh Thị A19), ông Nguyễn Văn A31, bà Lê Thị A22, ông Lê Văn A24, ông Nguyễn Văn A26 và ông Đinh Văn A27 (Đinh Xuân A27) được Nhà nước giao diện tích đất nông nghiệp để sản xuất theo Quyết định 115 và 990 của UBND tỉnh Hà Nam, đến năm 1994 các hộ gia đình trên được cấp GCNQSD đất. Năm 1997 thực hiện chủ trương của UBND tỉnh và UBND huyện B1 về chuyển dịch vùng đất trồng sang sản xuất VAC; sau khi có sự vận động của chính quyền địa phương, các hộ gia đình đồng ý giao lại đất nông nghiệp thuộc xứ đồng Đồng Sơn cho UBND xã B, để UBND xã giao cho hộ gia đình có khả năng làm trang trại VAC để thực hiện chủ trương của địa phương. Năm 1997, UBND xã B ký hợp đồng kinh tế giao khoán thầu 7.488m² đất nông nghiệp nêu trên cho hộ bà Dương Thị A9 để làm trang trại đa canh; ngày 16/12/1997, bà Đào chuyển nhượng trang trại lại cho ông Bùi Văn B4, sau đó ông B4 chuyển nhượng lại cho ông Bùi Văn A diện tích 3744m². Ngày 15/12/1997, ông Bùi Văn A nhận chuyển nhượng của ông Chu Văn B3 diện tích 7.488m² nên tổng diện tích của ông A sử dụng làm trang trại là 11.232m²; trong đó có 10.152m² theo hồ sơ quản lý đất đai, cũng như UBND xã B, UBND huyện B1 thì đây là diện tích đất của 17 hộ gia đình bị đơn được giao theo tiêu chuẩn 115 và đã được cấp GCNQSD đất. Năm 2001 và 2003 khi thực hiện chủ trương dồn đổi ruộng đất thì toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của các hộ dân nằm trong trang trại của ông A không được dồn đổi, nên vẫn theo GCNQSD đất được cấp năm 1994. Theo UBND huyện B1 thì việc phân loại đất

theo phương pháp sử dụng hồ sơ địa chính năm 1994 và năm 2001; những hộ có đất tiêu chuẩn theo Quyết định 115, 990 nằm trong trang trại không tham gia dồn đổi năm 2001 thì lấy diện tích tiêu chuẩn theo hồ sơ địa chính năm 1991 để xác định diện tích thu hồi. Như vậy, các hộ gia đình có đất nằm trong trang trại của ông A không được dồn đổi năm 2001, nên căn cứ xác định chủ sử dụng đất để bồi thường, hỗ trợ là theo hồ sơ địa chính năm 1991 và GCNQSD đất mà các hộ được cấp năm 1994. Điều này cũng phù hợp với pháp luật về đất đai. Bởi vì, quá trình giao đất của các hộ cho ông A, mặc dù có việc giao khoán đất cho bà Đào, nhưng UBND xã B, huyện B1 không có bất kỳ thủ tục gì trình cấp có thẩm quyền thực hiện việc thu hồi đất của các hộ gia đình để giao cho người khác, và cũng chưa có cơ quan có thẩm quyền nào thực hiện việc thu hồi đất của các hộ gia đình để giao lại cho UBND xã, hoặc giao cho bà A9, ông B3, ông B4 và ông A. Hơn nữa, căn cứ vào các đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà A9 với ông B3, giữa ông B3 với ông A, cũng như giữa ông B4 với ông A được UBND xã B xác nhận chỉ đồng ý cho chuyển nhượng hợp đồng, yêu cầu nộp đủ sản phẩm. Do đó, thực chất đây chỉ là hợp đồng chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng thuê khoán mà những người chuyển nhượng đã ký với UBND xã B, không phải là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vì người chuyển nhượng không có quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 73, Điều 75 Luật đất đai năm 1993, nên không có căn cứ xác định ông A được quyền sử dụng diện tích đất nêu trên, theo đó cũng không được quyền hưởng số tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

[5] Đối với yêu cầu hủy các Quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với các hộ gia đình nêu trên, thấy rằng: Như đã phân tích ở trên thì toàn bộ diện tích đất 10.152m² trong trang trại của gia đình ông A tại xứ đồng Đồng Sơn, xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam vẫn thuộc quyền sử dụng của 17 hộ gia đình. Do đó, khi thu hồi UBND huyện B1 ban hành quyết định thu hồi đất và lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với những chủ sử dụng đất là đúng quy định tại khoản 2 Điều 66; Điều 74; Điều 83; Điều 84 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014, 47/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, khi thực hiện việc thu hồi đất, lập phương án hỗ trợ, bồi thường khi thu hồi đất các cơ quan có thẩm quyền huyện B1, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thu hồi đất, lập phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư theo đúng quy định của Luật đất đai, Nghị định của Chính phủ; việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư đúng đối tượng sử dụng đất, nên nguyên đơn là ông Bùi Văn A yêu cầu hủy các quyết định của UBND huyện B1 về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với 17 hộ gia đình nêu trên là không có căn cứ. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A là đúng quy định của pháp luật.

Tổng hợp các phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết đúng trình tự quy định của pháp luật, đã xem xét đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của các bên đương sự, tại cấp phúc

thẩm không có thêm tình tiết gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông A. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông A phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn A; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2020/DS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam;

Án phí: Ông Bùi Văn A phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005678, ngày 21/9/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam, xác nhận ông A đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm 16/2020/DS-ST ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm